MỐI QUAN HỆ GIỮA MANH MÚN ĐẤT NÔNG NGHIỆP VÀ HIỆU QUẢ SẢN XUẤT TRỒNG TRỌT CỦA CÁC HỘ NÔNG DÂN TỈNH BẮC GIANG

Nguyễn Thị Dung[1,2*], Nguyễn Quang Hà[1], Mai Lan Phương[2]

[1]Trường Đại học Nông Lâm Bắc Giang
[2]Khoa Kinh tế và Phát triển nông thôn, Học viện Nông nghiệp Việt Nam

[*]Tác giả liên hệ: nguyenthidungktkt81@gmail.com

Ngày nhận bài: 25.09.2019 Ngày chấp nhận đăng: 27.11.2019

TÓM TẮT

Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả trong phân tích mối quan hệ giữa manh mún đất nông nghiệp và hiệu quả sản xuất trồng trọt của các hộ nông dân tỉnh Bắc Giang. Kết quả cho thấy manh mún đất nông nghiệp làm giảm hiệu quả sản xuất trồng trọt của hộ. Tuy nhiên, đối với từng vùng khi các hộ sử dụng biện pháp thâm canh tăng vụ thì manh mún đất nông nghiệp không làm giảm hiệu quả sản xuất trồng trọt (điển hình như huyện Lạng Giang). Như vậy, chính sách dồn điền dổi thửa của Nhà nước là một chính sách đúng đắn nhằm mở rộng quy mô diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, làm tiền đề phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn. Tuy nhiên, cần có sự linh hoạt trong việc triển khai áp dụng vì đặc điểm kinh tế sản xuất của mỗi vùng có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả.

Từ khóa: Manh mún đất nông nghiệp, hiệu quả sản xuất trồng trọt, hộ nông dân.

Researching the Relationship between Agricultural Land Fragmentation and Crop Production Efficiency of Farm Households in Bac Giang Province

ABSTRACT

The study used descriptive statistics method to analysis relationship between agricultural land fragmentation and crop production efficiency of farm households in Bac Giang province. Results showed that the agricultural land fragmentation reduced to the crop production efficiency of the households. However, for each region when households used intensive farming to increase crops, the agricultural land fragmentation did not reduce the crop production efficiency (a typical example is Lang Giang district). Hence, the government's land consolidation policy is the right policy to expand the size of household agricultural land, which is a premise for the development of large-scale commodity production. Therefore, it is necessary to have flexibility in implementation because the production economic characteristics of each region have a great impact on efficiency.

Keywords: Agricultural land fragmentation, crop production efficiency, farm household.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Bắc Giang là tỉnh thuộc vùng Đông Bắc Việt Nam với tổng diện tích đất nông nghiệp là 301.879,40 ha, chiếm 77,49% tổng diện tích đất tự nhiên của toàn tỉnh (Cục Thống kê Bắc Giang, 2017). Từ năm 1993, tỉnh Bắc Giang thực hiện Nghị định số 64/1993/NĐ-CP "về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng lâu dài vào mục đích sử dụng đất nông nghiệp" đã dẫn đến tình trạng mạnh mún đất nông nghiệp, diện tích thửa nhỏ và số thửa/hộ là nhiều. Mặc dù sản xuất nông nghiệp của tỉnh đã được cơ cấu lại theo hướng mở rộng quy mô nhưng sản xuất nhỏ vẫn phổ biến, kinh tế hộ vẫn là đơn vị sản xuất cơ bản, chiếm tỷ trọng lớn trên địa bàn. Tính đến năm 2016, tổng số hộ nông thôn là 391.087 hộ trong đó hộ nông nghiệp chiếm 58,78%. Đất sản xuất nông nghiệp bình quân một hộ là 3.661,6 m^2. Hơn 90% số hộ nông dân có diện tích dưới 1 ha.

Tình trạng manh mún đất nông nghiệp đã ảnh hưởng lớn tới hiệu quả sản xuất trồng trọt của các hộ nông dân tỉnh Bắc Giang. Diện tích

đất nông nghiệp manh mún làm tăng chi phí lao động, chi phí vận chuyển của các hộ nông dân (Sundqvist & Andersson, 2006), gây khó khăn và tốn kém hơn cho cơ giới hóa, xây dựng hệ thống tưới tiêu, đường sá nội đồng và kiểm soát dịch bệnh. Tuy nhiên, rất nhiều nghiên cứu chỉ ra rằng manh mún đất nông nghiệp giúp các hộ nông dân giảm thiểu rủi ro, tạo điều kiện cho đa dạng hóa các loại cây trồng, mùa vụ và giảm thiểu sự thiếu hụt lao động do tính thời vụ (Sundqvist & Andersson, 2006). Bên cạnh đó, các hộ gia đình đều có cơ hội được tiếp cận với đất nông nghiệp sẽ đảm bảo tính công bằng xã hội.

Chính vì vậy, mục tiêu của nghiên cứu này nhằm phân tích mối quan hệ giữa manh mún đất nông nghiệp và sản xuất trồng trọt của các hộ nông dân tỉnh Bắc Giang. Câu hỏi nghiên cứu đặt ra là liệu manh mún đất nông nghiệp sẽ dẫn đến hiệu quả sản xuất thấp và ảnh hưởng đến công bằng xã hội?

2. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Chọn điểm nghiên cứu

Tỉnh Bắc Giang có địa hình chia làm 2 tiểu vùng: miền núi và trung du. Do vậy, nghiên cứu lựa chọn 3 huyện đại diện cho các vùng trong tỉnh. Huyện Việt Yên đại diện cho vùng trung du, huyện Lạng Giang đại diện cho vùng núi có núi thấp và huyện Lục Ngạn đại diện cho vùng núi có núi cao. Mỗi huyện lựa chọn 3 xã, mỗi xã chọn 3 thôn theo địa hình cao, trung bình và thấp, tại mỗi xã nghiên cứu lựa chọn ngẫu nhiên các hộ gia đình sản xuất nông nghiệp để tiến hành điều tra.

2.2. Thu thập thông tin

Thông tin thứ cấp: được thu thập thông qua sách báo, luận án, báo cáo khoa học, báo cáo tổng kết của các cơ quan chức năng trong các huyện và tỉnh.

Thông tin sơ cấp: nghiên cứu tiến hành điều tra 399 hộ sản xuất nông nghiệp của ba huyện Lục Ngạn, Lạng Giang và Việt Yên. Số lượng mẫu điều tra được tính toán theo công thức Slovin (1960): $n = N/(1 + N.e^2)$ với độ tin cậy là 95%, khoảng tin cậy là 5%, dung lượng mẫu điều tra n = 87.515/(1 + 87.515 x 0,05 x 0,05) ≈ 399 hộ.

2.3. Phân tích và chỉ tiêu phân tích

Nghiên cứu sử dụng phương pháp thống kê mô tả để phân tích quy mô manh mún đất nông nghiệp và hiệu quả sản xuất trồng trọt của các hộ nông dân tỉnh Bắc Giang

Chỉ số Simpson ($1 - \Sigma a_i^2/A^2$) được sử dụng trong phân tích manh mún đất nông nghiệp. Với a_i là diện tích của thửa thứ i và A là quy mô nông hộ $A = \Sigma a_i$. Chỉ số này có giá trị từ 0 đến 1. Giá trị 0 cho biết hợp nhất đất đai hoàn chỉnh, tức là nông hộ chỉ hoạt động với một mảnh đất. Giá trị 1 có nghĩa là nông hộ bị phân mảnh và vận hành một số mảnh đất rộng. Đây là chỉ số nhạy cảm với số mảnh đất cũng như quy mô mảnh đất, có nghĩa là sự phân mảnh sẽ giảm khi diện tích mảnh đất rộng tăng lên.

Công bằng trong phân bố là một khái niệm mang tính chuẩn tắc, để chỉ một quá trình và một kết quả mà theo đó, lợi ích hoặc tài nguyên được phân chia cho các cá nhân một cách hợp lý, bình đẳng, minh bạch, làm tối đa hóa lợi ích xã hội theo một chuẩn mực giá trị được xã hội thừa nhận (Adams, 1963; Mathis & Klaus, 2009). Trong phạm vi nghiên cứu, tác giả tập trung đánh giá công bằng trong phân bố đất nông nghiệp của các hộ gia đình thông qua đường cong Lorenz, hệ số Gini theo quy mô diện tích đất nông nghiệp.

Nghiên cứu sử dụng các chỉ tiêu: giá trị sản xuất, chi phí trung gian, giá trị tăng thêm, tỷ suất giá trị sản xuất giá trị sản xuất theo chi phí (T_{GO}), tỷ suất giá trị gia tăng trên chi phí vật chất (T_{VA}), tỷ suất thu nhập hỗn hợp trên chi phí vật chất (T_{MI}), thu nhập/ha đất canh tác, thu nhập từ nông nghiệp/hộ trong đánh giá hiệu quả trồng trọt.

3. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

3.1. Thực trạng manh mún đất nông nghiệp

Kết quả khảo sát 399 hộ sử dụng đất nông nghiệp bảng 1 cho thấy phần lớn các hộ điều tra có diện tích đất nông nghiệp nhỏ. Diện tích đất

nông nghiệp bình quân hộ là 3.269,87 m^2. Trong đó, có 35,34% số hộ có diện tích đất nông nghiệp quy mô từ 2.000 m^2 đến 3.000 m^2. Số hộ có diện tích đất nông nghiệp trên 7.000 m^2 chiếm 8,27% (chủ yếu là diện tích trồng cây ăn quả và nuôi trồng thủy sản). Các hộ ở huyện Lục Ngạn sử dụng quy mô diện tích đất lớn, có 14,71 % (ứng với 30 hộ trong tổng số 204 hộ điều tra) sử dụng quy mô diện tích đất trên 7.000 m^2. Các hộ ở Lạng Giang sử dụng quy mô diện tích đất nhỏ từ dưới 1.000 m^2 đến 4.000 m^2 .

Bên cạnh đó, đất nông nghiệp của các hộ phân tán, manh mún và không tập trung. Kết quả điều tra cho thấy số hộ có số mảnh nhiều nhất (9,44 mảnh) tập trung ở huyện Lạng Giang (vùng núi có núi thấp). Huyện Việt Yên ở vùng trung du của tỉnh, số mảnh bình quân hộ là 5,36 thấp hơn so với Lạng Giang. Nguyên nhân chính là do huyện Việt Yên đã và đang thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa xây dựng cánh đồng mẫu. Huyện vùng núi cao Lục Ngạn có số mảnh ít nhất là 2,09, vì đây là vùng cây ăn quả trọng điểm của tỉnh. Diện tích đất cây ăn quả của các hộ ít phân tán manh mún hơn Lạng Giang và Việt Yên. Kết quả tính toán chỉ số manh mún đất nông nghiệp (simpson) cũng phản ánh tương ứng tình trạng manh mún đất đai tại ba huyện điều tra. Bảng 2 cho thấy chỉ số simpson của Lạng Giang là 0,83, Việt Yên là 0,63, Lục Ngạn là 0,35.

Sở dĩ có hiện trạng manh mún đất nông nghiệp tại tỉnh Bắc Giang nói trên là do một số nguyên nhân như sau:

Chính sách phân chia đất nông nghiệp công bằng, đảm bảo cho người dân có đất để sản xuất theo nghị quyết số 337/NQ-HB ngày 13/5/1988 của tỉnh là nguyên nhân đầu tiên dẫn đến tình trạng manh mún đất nông nghiệp tại các hộ điều tra. Kết quả khảo sát về nguồn gốc đất nông nghiệp của các hộ điều tra tại tỉnh Bắc Giang cho thấy có 68,67% số hộ có đất được giao trước năm 1993.

Bảng 1. Cơ cấu hộ gia đình sản xuất theo quy mô đất nông nghiệp năm 2018

Nhóm diện tích (m^2)	Tổng		Lục Ngạn		Việt Yên		Lạng Giang	
	Số hộ (hộ)	Tỷ lệ (%)	Số hộ (hộ)	Tỷ lệ (%)	Số hộ (hộ)	Tỷ lệ (%)	Số hộ (hộ)	Tỷ lệ (%)
Dưới 1.000 m^2	32	8,02	16	7,84	11	14,67	5	4,17
Từ 1.000 m^2 đến 2.000 m^2	82	20,55	40	19,61	16	21,33	26	21,67
Từ 2000 m^2 đến dưới 3.000 m^2	141	35,34	50	24,51	23	30,67	68	56,67
Từ 3.000 đến dưới 4.000 m^2	60	15,04	27	13,24	12	16,00	21	17,50
Từ 4.000 m^2 đến 5.000 m^2	29	7,27	21	10,29	8	10,67	0	0,00
Từ 5.000 m^2 đến 6.000 m2	15	3,76	14	6,86	1	1,33	0	0,00
Từ 6.000 m^2 đến 7.000 m^2	7	1,75	6	2,94	1	1,33	0	0,00
Trên 7.000 m^2	33	8,27	30	14,71	3	4,00	0	0,00
Tổng	399	100,00	204	100,00	75	100,00	120	100,00
Diện tích bình quân hộ	*3269,87*		*3986,96*		*2775,57*		*2359,75*	
Sd (sai tiêu chuẩn)	*3116,70*		*4017,63*		*1999,59*		*709,81*	
CV (Hệ số biến thiên)	*0,95*		*1,01*		*0,72*		*0,30*	

Bảng 2. Manh mún đất nông nghiệp hộ gia đình tỉnh Bắc Giang năm 2018

Chỉ tiêu	ĐVT	Lục Ngạn	Việt Yên	Lạng Giang
Số mảnh bình quân hộ	mảnh/hộ	2,09	5,36	9,44
Chỉ số simpson		0,35	0,63	0,83
Diện tích bình quân mảnh	m^2/mảnh	1.909,25	517,83	249,93

Nguyên nhân thứ hai là do thừa kế đất nông nghiệp và chính sách trưng dụng đất nông nghiệp để xây dựng các khu dân cư đô thị, khu công nghiệp. Điều tra cho thấy có 35,34% sô hộ được hỏi nhận thừa kế, 4,5% số hộ bị trưng dụng đất.

Nguyên nhân thứ ba là do một số hộ muốn giữ đất nông nghiệp như một sự đảm bảo về tài sản dẫn đến việc chuyển đổi tích tụ ruộng đất diễn ra chậm.

3.2. Tình hình sản xuất trồng trọt ở tỉnh Bắc Giang

Sản xuất trồng trọt là thế mạnh trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh Bắc Giang. Trong những năm qua, cơ cấu giống, cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng của tỉnh đã chuyển dịch theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng và đa dạng hoá cây trồng theo nhu cầu thị trường. Tỉnh Bắc Giang đã hình thành một số vùng sản xuất hàng hóa tập trung, chuyên canh khá lớn như: vùng sản xuất vải Lục Ngạn, Tân Yên; vùng sản xuất lúa thơm Yên Dũng, Lục Ngạn; vùng sản xuất rau chế biến phục vụ xuất khẩu tại Lạng Giang, Tân Yên, Lục Nam... Giá trị sản xuất bình quân trên 1 ha đất sản xuất nông nghiệp không ngừng được nâng lên, đạt 103,5 triệu đồng, tăng 12,5% so với cùng kỳ (UBND tỉnh Bắc Giang, 2018). Tuy nhiên, với quy mô diện tích đất nông nghiệp nói trên thì sản xuất trồng trọt còn nhỏ lẻ, phân tán, giá trị gia tăng thấp, thiếu tính bền vững vì phụ thuộc nhiều vào yếu tố thị trường và thời tiết. Chất lượng sản phẩm nông sản hàng hoá còn thấp, công tác sản xuất giống cây trồng còn nhiều hạn chế. Giá trị sản xuất ngành trồng trọt Bắc Giang giai đoạn 2014-2016 có sự dao động lên xuống. Mặc dù giá trị sản xuất cây lâu năm năm 2016 so với năm 2015 có xu hướng giảm nhưng giá trị sản xuất cây lâu năm của cả giai đoạn có xu hướng tăng nhiều hơn so với cây hàng năm. Điều này cho thấy câu lâu năm là một thế mạnh của tỉnh (Bảng 3).

3.3. Hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp hộ gia đình

Kết quả điều tra hình 1 chỉ ra rằng các hộ gia đình có diện tích đất nông nghiệp nhỏ có hiệu quả kinh tế thấp hơn so với các hộ có diện tích đất nông nghiệp lớn.

Nghiên cứu trong bảng 4 cho thấy Lục Ngạn, huyện đại diện cho vùng núi có núi cao, có quy mô diện tích đất nông nghiệp bình quân/hộ lớn nhất, hiệu quả kinh tế cao nhất: giá trị sản xuất so với chi phí đạt 4,10 lần, giá trị tăng thêm so với chi phí đạt 3,1 lần, thu nhập hỗn hợp so với chi phí đạt 3,07 lần. Giá trị sản phẩm thu được của hộ cũng như giá trị thu được trên 1 ha đất canh tác huyện Lục Ngạn lớn nhất.

Bảng 3. Giá trị sản xuất ngành trồng trọt tỉnh Bắc Giang giai đoạn 2014- 2016 theo giá so sánh 2010

Chỉ tiêu	2014	2015	2016	So sánh (%)		
				2015/2014	2016/2015	BQ
Cây hàng năm	5.878.235	5.976.613	6.120.230	101,67	102,40	102,03
Cây lâu năm	2.072.252	2.304.196	2.213.584	111,19	96,07	103,35
Tổng	7.950.487	8.280.809	8.333.815	104,15	100,64	102,38

Nguồn: Cục Thống kê Bắc Giang, 2014-2016.

Bảng 4. Đánh giá hiệu quả trồng trọt của các hộ năm 2018

Chỉ tiêu	ĐVT	Huyện Lục Ngạn	Huyện Việt Yên	Huyện Lạng Giang
TGO = GO/IC	Lần	4,10	1,39	1,67
TVA = VA/IC	Lần	3,10	0,39	0,67
TMI = MI/IC	Lần	3,07	0,38	0,57
Thu nhập/1 ha đất canh tác	Nghìn đồng	266.561,84	24.785,05	37.030,35
Thu nhập từ nông nghiệp/hộ	Nghìn đồng	106.277,26	5.337,97	8.648,19

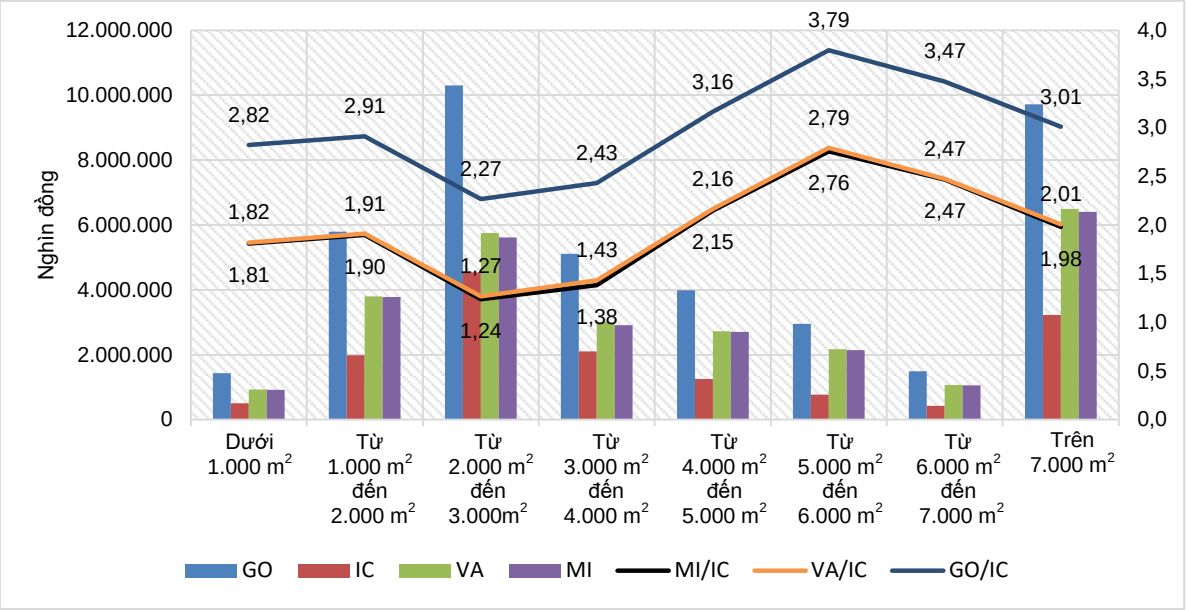

Hình 1. Hiệu quả kinh tế theo quy mô diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình năm 2018

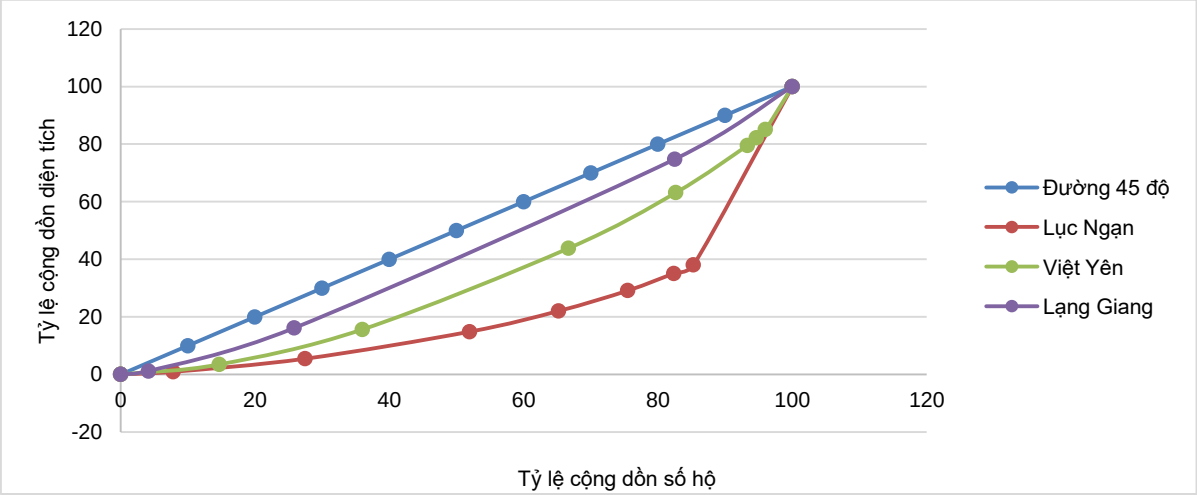

Hình 2. Đường cong Lorenz

Việt Yên là huyện trung du, tiếp giáp với thành phố Bắc Giang. Huyện có các khu công nghiệp Quang Châu, Vân Trung, Đình Trám, Việt Hàn. Do đó, lao động của vùng chủ yếu làm việc tại các khu công nghiệp. Nguồn thu của các hộ sử dụng đất nông nghiệp chủ yếu từ sản xuất lúa. Hiện nay, một số hộ đang có xu hướng chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất nuôi trồng thủy sản. Chính vì vậy, hiệu quả trồng trọt của huyện thấp nhất trong ba huyện, giá trị sản xuất so với chi phí đạt 1,39 lần, giá trị tăng thêm so với chi phí đạt 0,39 lần, thu nhập hỗn hợp của huyện đạt 0,38 lần.

Lạng Giang là huyện có diện tích đất nông nghiệp manh mún. Tuy nhiên, nhờ sử dụng biện pháp thâm canh tăng vụ nên ngoài hai vụ lúa, các hộ gia đình trồng một vụ màu. Do đó, giá trị sản xuất trên chi phí đạt 1,67 lần, giá trị tăng thêm so với chi phí đạt 0,67 lần, thu nhập hỗn hợp đạt 0,57 lần.

Trường hợp ở huyện Lạng Giang cho thấy không phải tất cả các hộ có quy mô đất nông nghiệp nhỏ, manh mún đều có hiệu quả kinh tế thấp. Việc sử dụng đất có hiệu quả hay không còn phụ thuộc vào cách thức hộ sử dụng đất và điều kiện của từng vùng. Vì vậy, đánh giá hiệu

quả theo vùng là cần thiết nhằm đưa ra các giải pháp nâng cao hiệu quả sử dụng đất phù hợp với từng vùng.

3.3. Mối quan hệ giữa manh mún đất nông nghiệp và hiệu quả sản xuất trồng trọt

Kết quả nghiên cứu cho thấy ở các huyện khác nhau thì sự bất bình đẳng trong phân bố đất nông nghiệp là khác nhau.

Ở một góc độ nào đó mối quan hệ giữa công bằng và hiệu quả sử dụng đất thể hiện mối quan hệ giữa manh mún đất nông nghiệp và hiệu quả sử dụng đất trồng trọt. Nghiên cứu xem xét đường cong Lorenz, mối quan hệ giữa công bằng và hiệu quả sử dụng đất (Hình 3), mối quan hệ giữa manh mún đất nông nghiệp và hiệu quả sử dụng đất trồng trọt (Hình 4) cho thấy các hộ gia đình Lạng Giang sở hữu đất nông nghiệp quy mô nhỏ và phân mảnh nhiều nhất nhưng nhờ thâm canh tăng vụ nên hiệu quả sản xuất cây trồng hàng năm cao hơn so với huyện Việt Yên. Hiệu quả kinh tế của các hộ ở Lạng Giang (GO/IC = 1,67) nhưng sự phân bố đất nông nghiệp của hộ công bằng hơn (Hệ số Gini là 0,14). Trong khi đó ở Lục Ngạn, đất nông nghiệp ít manh mún, hiệu quả kinh tế cao tuy nhiên lại xảy ra sự bất bình đẳng nhất (Hệ số Gini là 0,57). Ở huyện Việt Yên, do thực hiện chính sách dồn điền đổi thửa, xây dựng cánh đồng mẫu lớn bắt đầu vào năm 2003, 2005 nên sự manh mún đất nông nghiệp của các hộ trong huyện giảm hơn so với huyện Lạng Giang. Tuy nhiên hiệu quả kinh tế lại thấp hơn. Nguyên nhân là do việc hình thành các khu công nghiệp tại Việt Yên đã thu hút lực lượng lao động nông nghiệp chuyển sang ngành nghề phi nông nghiệp. Chính vì vậy, các hộ gia đình sử dụng đất nông nghiệp ít quan tâm trong việc thâm canh tăng vụ, chủ yếu sản xuất hai vụ lúa dẫn đến hiệu quả kinh tế thấp.

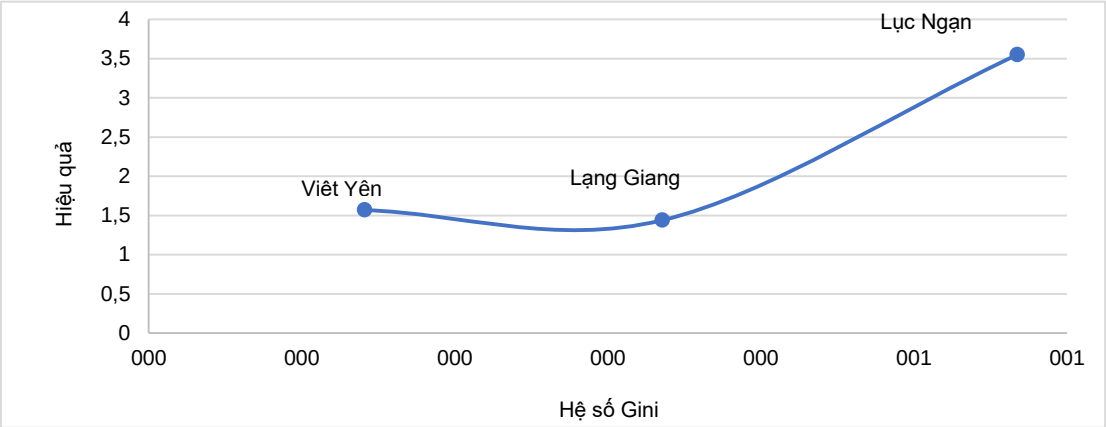

Hình 3. Mối quan hệ giữa công bằng và hiệu quả sử dụng đất nông nghiệp

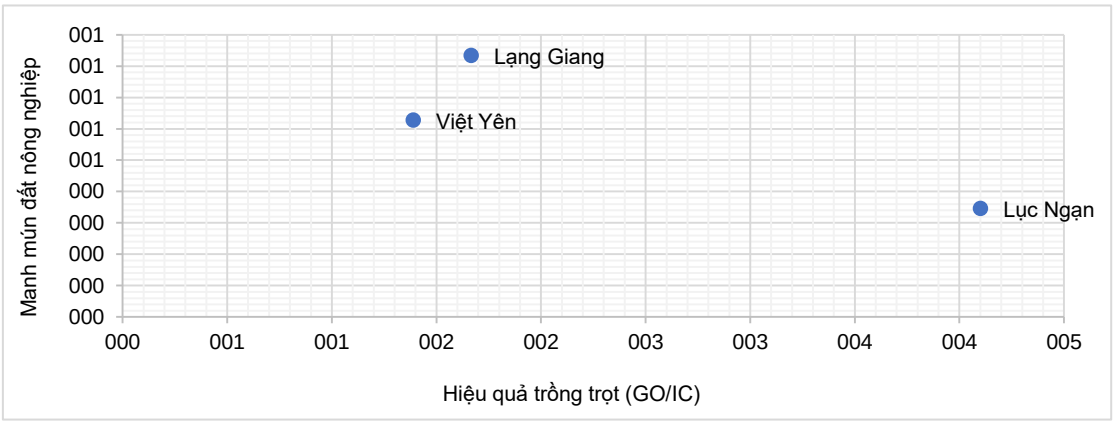

Hình 4. Mối quan hệ giữa manh mún đất nông nghiệp và hiệu quả sản xuất trồng trọt

4. KẾT LUẬN

Kết quả nghiên cứu cho thấy mặc dù mức độ tập trung đất sản xuất trong hộ tại tỉnh Bắc Giang đã được cải thiện nhưng tình trạng manh mún đất sản xuất nông nghiệp vẫn còn phổ biến. Đất nông nghiệp của các hộ nông dân vùng núi có núi cao có mức độ manh mún thấp nhất. Hiện trạng đất nông nghiệp manh mún cao tập trung chủ yếu tại các hộ vùng núi có núi thấp và vùng trung du.

Có thể nói, manh mún đất nông nghiệp là yếu tố làm giảm hiệu quả sản xuất trồng trọt của hộ. Tuy nhiên đối với một số vùng, điển hình như huyện Lạng Giang, manh mún đất nông nghiệp không làm giảm hiệu quả sản xuất trồng trọt do người dân sử dụng các biện pháp thâm canh tăng vụ. Điều này cũng có nghĩa là không có sự mâu thuẫn giữa công bằng trong phân phối đất nông nghiệp và hiệu quả sản xuất trồng trọt của các hộ gia đình.

Như vậy, chính sách dồn điền dổi thửa của Nhà nước là một chính sách đúng đắn nhằm mở rộng quy mô diện tích đất nông nghiệp hộ gia đình, thúc đẩy phát triển sản xuất hàng hóa quy mô lớn. Tuy nhiên, cần có sự linh hoạt trong việc triển khai áp dụng vì đặc điểm kinh tế sản xuất của mỗi vùng có ảnh hưởng lớn đến hiệu quả thực hiện. Chính vì vậy, trước khi quyết định triển khai thực hiện, tỉnh Bắc Giang cần phải đánh giá sự phù hợp và hiệu quả của chính sách này đối với tất cả các vùng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Adams J.S. (1963). Toward an understanding of inequity. Journal of Abnormal Psychology. 67: 422- 436.

Chính phủ (1993). Nghị định 64-CP ngày 27 tháng 09 năm 1993 về giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp.

Chính phủ (2000). Nghị quyết số 03/2000/NQ-CP ngày 02 tháng 2 năm 2000 về trang trại.

Coelli T.J., Rao D.S.P., O'Donnell C.J., Battese G.E. (2005). An Introduction to Eficiency and Productivity Second Edition. Springer Science and Bussiness Media, Inc. the United States of America.

Đỗ Kim Chung (2018). Tích tụ và tập trung đất đai: Cơ sơ lý luận và thực tiễn cho phát triển nông nghiệp hàng hóa ở Việt Nam. Tạp chí Khoa học Nông nghiệp Việt Nam. 16(4): 412-424.

Mathis, Klaus (2009). (translated by Deborah Shannon). Efficiency instead of justice? Searching for the philosophical foudations of the economic analysis of law. Springer.

Nguyễn Thị Dung, Nguyễn Quang Hà & Mai Lan Phương (2018). Phân bố đất nông nghiệp ở một số nước trên thế giới: bài học kinh nghiệm đối với Việt Nam. Tạp chí Nghiên cứu kinh tế. 11(486): 53-60.

Nguyễn Thị Dung, Nguyễn Quang Hà & Mai Lan Phương (2018). Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và tiếp cận đất nông nghiệp hộ gia đình tại Việt Nam. Tạp chí Công thương. 11: 128-132.

Nguyễn Thị Dung, Nguyễn Quang Hà & Mai Lan Phương (2018). Thực trạng sử dụng đất nông nghiệp tại Việt Nam. Tạp chí Kinh tế và Dự báo. 21: 78-81.

Nguyễn Quang Hà (2017). Tích tụ đất đai trong nông nghiệp Việt Nam: Hiện trạng và xu thế. Tạp chí Nông nghiệp và Phát triển nông thôn. 2: 3-11.

Sundqvist, P., and Andersson, L. (2006). Thesis: A study of the impacts of land fragmentation on agricultural productivity in Northern Vietnam. Department of economics. Uppsala University.

UBND tỉnh Bắc Giang (2018). Báo cáo số 104/BC-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2018 về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2018; mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu năm 2019.